TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **199**/2020/QĐST-HNGĐ	*Phú Lộc, ngày 30 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T1ẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ T1ẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa T1ận về nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Cái Công T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà 09/82 , thị trấn L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Chị Bùi Thị Mỹ T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cái Công T và chị Bùi Thị Mỹ T1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào 05 ngày 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp. Đến tháng 12/2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vả nhau. Nguyên nhân mâu Thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp. Kể từ thời gian đó cho đến nay, anh T và chị T1 sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, anh T và chị T1 yêu cầu Tòa án công nhận T1ận tình ly hôn của vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T và chị T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không thể đoàn tụ vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T1 đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc Thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận T1ận tình ly hôn giữa anh Cái Công T và chị Bùi Thị Mỹ T1.

[2] Về nuôi con: Anh Cái Công T và chị Bùi Thị Mỹ T1 có 01 người con chung tên là Cái Bùi Như Quỳnh, sinh ngày 15/10/2013. Anh T và chị T1 thỏa T1ận giao con chung cho chị Bùi Thị Mỹ T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Cái Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Như Quỳnh trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh Cái Công T và chị Bùi Thị Mỹ T1 trình bày không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T1ận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận T1ận tình ly hôn và sự thỏa T1ận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Cái Công T và chị Bùi Thị Mỹ T1 T1ận tình ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Cái Bùi Như Quỳnh, sinh ngày 15/10/2013 cho chị Bùi Thị Mỹ T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Cái Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Như Quỳnh trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Cái Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; anh Cái Công T và chị Bùi Thị Mỹ T1, mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh T và chị T1 đã nộp theo các Biên lai T1 tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001675 và 0001676 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; anh T và chị T1 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND thị trấn Lăng Cô;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Thị Xuân Huế